



HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯỜNG

Name:

Class:

Date:

I. Vocabulary:

				
1. round: tròn	2. striped: có sọc, có vằn	3. spotted: có đốm	4. bear: con gấu	5. puppy: chó con

II. Structure:

This bear has round ears.

This cat has striped ears.

This puppy has spotted ears.

III. Homework: Do your worksheet.

WORKSHEET

1. Listen and tick (Nghe và đánh dấu ✓ vào bức tranh đúng)

0. 	1. 	2. 
☐ ☐	☐ ☐	☐ ☐
3. 	4. 	5. 
☐ ☐	☐ ☐	☐ ☐

HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯỜNG

Add 1: số 17A – Lô 2 – Dền Lữ 2

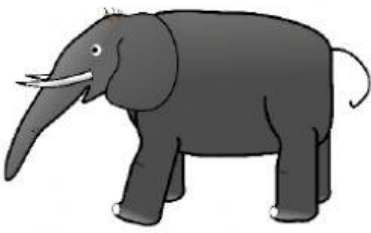
Add 2: 36B – Lô 2 – Dền Lữ 2

Phone: 083.972.8688/ 0976.420.688

Fanpage: <https://www.facebook.com/co.huong.den.lu>

LIVEWORKSHEETS

2. Look and choose (Nhìn tranh và chọn từ đúng)

		
0. bear / beaver	1. elephant / dog	2. puppy / cat
		
3. elephant / bear	4. cat / beaver	5. fox / puppy

3. Look and write (Nhìn tranh và viết từ đúng)

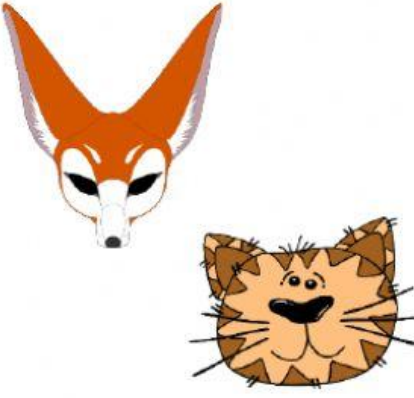
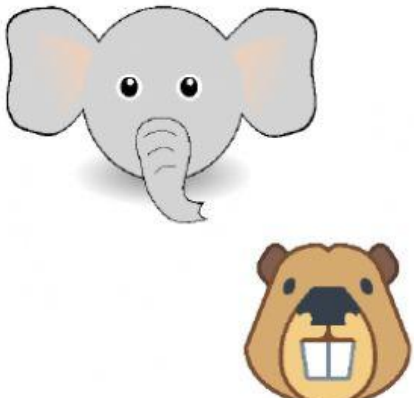
0.		=> cat
2.		=>

1.		=>
3.		=>

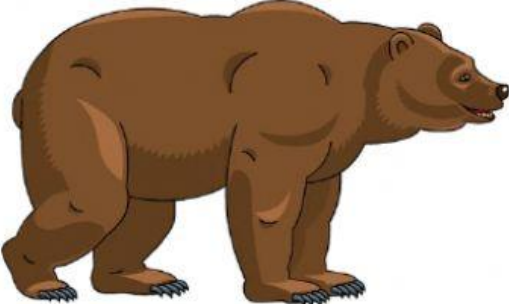
4. Look and choose (Nhìn tranh và chọn đáp án đúng)

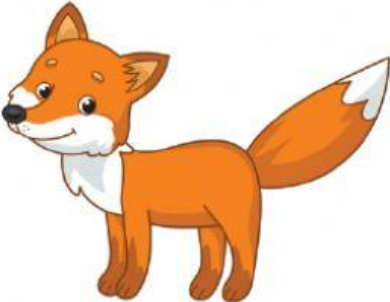
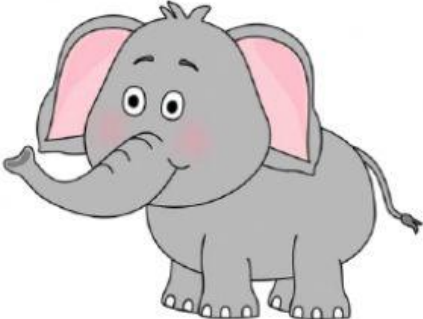
0.		spotted	pointed	striped
1.		small	round	big
2.		pointed	spotted	round

5. Read and choose (*Đọc từ và chọn bức tranh đúng*)

		
0. round ears	1. striped ears	2. big ears
		
3. spotted ears	4. small ears	5. pointed ears

6. Look, listen and write T (đúng)/F(sai) (*Nhìn tranh và viết câu đúng*)

	0.
	1.

	3.
	4.
	5.
	6.
	7.